

**THÔNG BÁO DANH SÁCH NỘP THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN QUÝ 4/2017**  
(Thu nhập từ tiền công, tiền thù lao của cá nhân có ký hợp đồng lao động BC + HĐQTC)

| STT | HỌ TÊN            |       | ĐƠN VỊ      | Tổng thu nhập chịu thuế/Quý | Các khoản giảm trừ/ Quý |                 |                       | Thu nhập tính thuế/quý | Số thuế phải nộp/quý | Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q4/2017 | Số thuế chênh lệch |                | Ký Nộp |
|-----|-------------------|-------|-------------|-----------------------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------------|--------------------|----------------|--------|
|     |                   |       |             |                             | Bản thân                | Người phụ thuộc | Trừ bảo hiểm bắt buộc |                        |                      |                                       | Phải nộp thêm      | Được thoái trả |        |
| 1   | Chung Trần Thế    | Vinh  | Khoa Cơ Khí | 74,918,560                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 1,885,011             | 35,233,549             | 3,035,031            | 3,623,704                             | -                  | 588,673        |        |
| 2   | Nguyễn Tiến       | Nhân  | Khoa Cơ Khí | 74,697,493                  | 27,000,000              | -               | 1,708,599             | 45,988,894             | 4,648,335            | 5,566,813                             | -                  | 918,478        |        |
| 3   | Nguyễn Tam        | Cương | Khoa Cơ Khí | 57,604,708                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 1,878,990             | 17,925,718             | 1,042,572            | 2,763,470                             | -                  | 1,720,898      |        |
| 4   | Dương Minh        | Chung | Khoa Cơ Khí | 68,866,104                  | 27,000,000              | 21,600,000      | 1,678,623             | 18,587,481             | 1,108,749            | 5,478,591                             | -                  | 4,369,842      |        |
| 5   | Nguyễn Tiến       | Dũng  | Khoa Cơ Khí | 52,939,970                  | 27,000,000              | 21,600,000      | 1,314,495             | 3,025,475              | 151,275              | 3,452,194                             | -                  | 3,300,919      |        |
| 6   | Nguyễn Duy        | Hải   | Khoa Cơ Khí | 53,173,867                  | 27,000,000              | -               | 1,458,476             | 24,715,391             | 1,721,538            | 3,543,823                             | -                  | 1,822,285      |        |
| 7   | Dương Thị         | Hồng  | Khoa Cơ Khí | 50,373,418                  | 27,000,000              | -               | 1,457,820             | 21,915,598             | 1,441,560            | 3,157,140                             | -                  | 1,715,580      |        |
| 8   | Trương Thị Phương | Hồng  | Khoa Cơ Khí | 83,125,884                  | 27,000,000              | 32,400,000      | 2,227,884             | 21,498,000             | 1,399,800            | 8,282,071                             | -                  | 6,882,271      |        |
| 9   | Trần Thị          | Hương | Khoa Cơ Khí | 55,431,900                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 1,228,500             | 16,403,400             | 890,340              | 4,557,980                             | -                  | 3,667,640      |        |
| 10  | Vũ Quang          | Khải  | Khoa Cơ Khí | 96,533,500                  | 27,000,000              | 32,400,000      | 2,246,928             | 34,886,572             | 2,982,987            | 9,743,975                             | -                  | 6,760,988      |        |
| 11  | Trần Đình         | Khải  | Khoa Cơ Khí | 64,834,250                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 1,481,571             | 25,552,679             | 1,805,268            | 4,621,120                             | -                  | 2,815,852      |        |
| 12  | Đỗ Thị Phương     | Khanh | Khoa Cơ Khí | 86,435,000                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 2,240,580             | 46,394,420             | 4,709,163            | 8,474,350                             | -                  | 3,765,187      |        |
| 13  | Nguyễn Thành      | Long  | Khoa Cơ Khí | 59,598,825                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 1,314,495             | 20,484,330             | 1,298,433            | 3,899,365                             | -                  | 2,600,932      |        |
| 14  | Vũ Đức            | Pháp  | Khoa Cơ Khí | 76,553,440                  | 27,000,000              | 43,200,000      | 1,793,283             | 4,560,157              | 228,009              | 7,201,550                             | -                  | 6,973,541      |        |
| 15  | Nguyễn Thanh Vĩnh | Phúc  | Khoa Cơ Khí | 54,817,778                  | 27,000,000              | 21,600,000      | 2,113,635             | 4,104,143              | 205,206              | 2,230,036                             | -                  | 2,024,830      |        |
| 16  | Nguyễn Ngọc       | Quỳnh | Khoa Cơ Khí | 51,947,067                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 1,314,495             | 12,832,572             | 641,628              | 3,671,613                             | -                  | 3,029,985      |        |
| 17  | Phan Văn          | Thành | Khoa Cơ Khí | 90,444,944                  | 27,000,000              | 21,600,000      | 2,819,163             | 39,025,781             | 3,603,867            | 9,184,652                             | -                  | 5,580,785      |        |
| 18  | Trần Minh         | Thông | Khoa Cơ Khí | 55,193,768                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 1,093,365             | 16,300,403             | 880,041              | 2,914,378                             | -                  | 2,034,337      |        |
| 19  | Phan Thị Xuân     | Trang | Khoa Cơ Khí | 63,884,027                  | 27,000,000              | 10,800,000      | 2,280,587             | 23,803,440             | 1,630,344            | 3,584,685                             | -                  | 1,954,341      |        |
| 20  | Bùi Anh           | Tuấn  | Khoa Cơ Khí | 61,501,980                  | 27,000,000              | 21,600,000      | 1,195,740             | 11,706,240             | 585,312              | 4,053,820                             | -                  | 3,468,508      |        |

| STT       | HỌ TÊN       |       | ĐƠN VỊ      | Tổng thu nhập chịu thuế/Quý | Các khoản giảm trừ/ Quý |                 |                       | Thu nhập tính thuế/quý | Số thuế phải nộp/quý | Số thuế đã tạm khấu trừ trong Q4/2017 | Số thuế chênh lệch |                | Ký Nộp |
|-----------|--------------|-------|-------------|-----------------------------|-------------------------|-----------------|-----------------------|------------------------|----------------------|---------------------------------------|--------------------|----------------|--------|
|           |              |       |             |                             | Bản thân                | Người phụ thuộc | Trừ bảo hiểm bắt buộc |                        |                      |                                       | Phải nộp thêm      | Được thoái trả |        |
| 21        | Lư Thị Yên   | Vũ    | Khoa Cơ Khí | 50,662,087                  | 27,000,000              | 21,600,000      | 1,326,780             | 735,307                | 36,765               | 3,326,017                             | -                  | 3,289,252      |        |
| 22        | Võ Minh      | Quang | Khoa Cơ Khí | 77,004,799                  | 27,000,000              | 21,600,000      | 2,586,156             | 25,818,643             | 1,831,863            | 6,292,897                             | -                  | 4,461,034      |        |
| 23        | Nguyễn Thanh | Vũ    | Khoa Cơ Khí | 60,862,327                  | 27,000,000              | 43,200,000      | 1,535,461             | (10,873,134)           | -                    | 3,155,041                             | -                  | 3,155,041      |        |
| TỔNG CỘNG |              |       |             |                             |                         |                 |                       | 460,625,059            | 35,878,086           | 112,779,285                           | -                  | 76,901,199     |        |

**Tổng cộng thuế phải nộp thêm:** 0

Bằng chữ: Không đồng.

**Tổng cộng thuế được thoái trả:** 76,901,199

Bằng chữ: Bảy mươi sáu triệu chín trăm lẻ một ngàn một trăm chín mươi chín đồng chẵn.

NGƯỜI LẬP BẢNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Thùy

Nguyễn Kính

Phạm Hữu Lộc